

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NÔNG CỐNG
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh P**

Bản án số: 31/2023/HS-ST

Ngày 21 - 6 - 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CỐNG, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trịnh Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Hằng

Ông Cao Văn Phong

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Liên - Thư ký Toà án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên toà: Ông Mai Xuân Đồng - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nông Cống xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hình sự sơ thẩm thụ lý số 29/2023/TLST - HS ngày 12 tháng 5 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2023/QĐXXST - HS ngày 09 tháng 6 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Mai Văn L**, sinh năm 1998 tại: xã K, huyện S, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: thôn T, xã K, huyện S, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Mai Văn Th và bà Nguyễn Thị M; có vợ là Lê Thị Th1 và có 2 con, lớn sinh năm 2020, nhỏ sinh năm 2022.

Tiền sự: Không.

Tiền án: Tại Bản án số 59/2020/HS - ST ngày 30/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 36 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 60 tháng về tội “Đánh bạc”.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 11/01/2023 đến ngày 17/01/2023 áp dụng biện pháp tạm giam theo Lệnh tạm giam số 05/CSĐT ngày 17/01/2023 của Cơ quan CSĐT Công an huyện Nông Cống. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Nông Cống; có mặt.

2. Họ và tên: **Trần Viết P**, sinh năm 2002 tại: xã Đ, huyện S, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: thôn L, xã Đ, huyện S, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không;

quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Viết N và bà Đỗ Thị T1 (đã chết); chưa có vợ, con.

Tiền án: Không.

Tiền sự: Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 0029110/QĐ-XPHC ngày 12/9/2022 của Công an huyện Đông Sơn xử phạt 6.500.000đ về hành vi xâm hại sức khỏe của người khác. Bị cáo chưa nộp phạt.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 11/01/2023 đến ngày 17/01/2023 áp dụng biện pháp tạm giam theo Lệnh tạm giam số 04/CSĐT ngày 17/01/2023 của Cơ quan CSĐT Công an huyện Nông Cống. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Nông Cống; có mặt.

- *Người làm chứng:*

+ Chị Lê Thị Th2, sinh năm 2002

Địa chỉ: Thôn N, xã K, huyện S, tỉnh Thanh Hóa

+ Chị Đinh Thị Thảo Tr, sinh năm 1995

Địa chỉ: Thôn ĐN, xã D, huyện KC, tỉnh Hưng Yên

+ Chị Nguyễn Thị Ng, sinh năm 2000

Địa chỉ: phường DS, thị xã B, tỉnh Thanh Hóa.

- *Người chứng kiến:* Anh Lê Gia P1, sinh năm 1990

Địa chỉ: Thôn LT, xã TK, huyện C, tỉnh Thanh Hóa.

(Người làm chứng và người chứng kiến đều vắng mặt tại phiên tòa không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 10 giờ 25 phút, ngày 11/01/2023 tổ công tác Công an huyện Nông Cống phối hợp cùng Công an xã TK, Công an xã T2 khi đang làm nhiệm vụ tại thôn LT, xã TK, huyện C đã phát hiện và thu giữ trên người Trần Viết P, sinh năm 2002 ở thôn L, xã Đ, huyện S, tỉnh Thanh Hóa 01 (một) túi Zip bên trong chứa các viên nén màu hồng, P khai là ma túy. Tổ công tác đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và niêm phong túi Zip nêu trên ký hiệu là M và thu giữ 01 điện thoại di động loại Iphone XS MAX đã qua sử dụng từ P.

Quá trình điều tra xác định: Vào tối ngày 10/01/2023 do có nhu cầu sử dụng ma túy và quen biết từ trước nên Trần Viết P đã dùng số điện thoại 0379.960.814 gọi đến số điện thoại 0766661236 để liên hệ với Mai Văn L, sinh năm 1998 ở thôn N, xã H, huyện S, tỉnh Thanh Hóa để hỏi L mua ma túy, L đồng ý và hẹn P đến phòng trọ tại thôn TC 2, xã Đ1, huyện S để mua bán ma túy, khi lên phòng trọ L bán cho P 110 viên hồng phiến với giá là 9.000.000đ (Chín triệu đồng) nhưng P chưa thanh toán tiền cho L, sau khi mua được ma túy

P đã sử dụng hết 13 viên, còn 97 viên để trên người, đến ngày 11/01/2023 thì bị Công an bắt và thu giữ.

Từ lời khai của P cùng các tài liệu có liên quan Cơ quan điều tra Công an huyện Nông Cống đã ra Lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp và khám xét phòng trọ và nơi ở của Mai Văn L. Tại nhà ở của Mai Văn L Cơ quan điều tra đã thu giữ 01 túi ni lông tối màu bên trong chứa 53 viên hồng phiến, Cơ quan điều tra đã tiến hành niêm phong toàn bộ túi ni lông nêu trên ký hiệu là M1. Theo lời khai của Mai Văn L vào cuối tháng 12/2022 khi đi làm ở huyện Q, tỉnh Thanh Hóa, L mua được 200 viên ma túy của một người đàn ông không biết tên, ở huyện Q với giá là 3.300.000đ (Ba triệu ba trăm nghìn đồng) để về sử dụng và bán kiếm lời. Sau khi mua được ma túy L đã sử dụng hết 37 viên, ngày 10/01/2023 bán cho P 110 viên, số ma túy còn lại là 53 viên L đang tìm người để bán, được L để trong túi áo trong phòng ngủ ở thôn N, xã K, huyện S đến ngày 11/01/2023 Cơ quan điều tra khám xét và thu giữ 53 viên ma túy còn lại.

Ngày 12/01/2023, Cơ quan CSĐT Công an huyện Nông Cống ra quyết định trưng cầu giám định đối với số ma túy đã thu giữ và niêm phong. Ngày 16/01/2023, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa ra bản Kết luận giám định số 417, 418/KL-KTHS: Các viên hình trụ tròn màu hồng của phong bì ký hiệu M niêm phong gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng 8,902g (Tám phẩy chín không hai gam) loại: Methamphetamine; 52 viên nén hình trụ tròn màu hồng của phong bì ký hiệu M1 niêm phong gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng 4,731g (Bốn phẩy bảy ba một gam) loại: Methamphetamine, 01 viên nén hình trụ tròn màu xanh của phong bì ký hiệu M1 niêm phong gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng 0,092g (Không phẩy không chín hai gam) loại: Methamphetamine.

Đối với người đàn ông đã bán ma túy cho Mai Văn L vào cuối tháng 12/2022 ở huyện Q, tỉnh Thanh Hóa, do không có chứng cứ, tài liệu nào phản ánh người đàn ông trên là ai nên Cơ quan CSĐT không có căn cứ để xác minh.

Đối với Nguyễn Thị Ng, sinh năm 2000 ở phường ĐS, thị xã B, tỉnh Thanh Hóa và Đinh Thị Thảo Tr, sinh năm 1995 ở thôn ĐN, xã D, huyện KC, tỉnh Hưng Yên là hai người cho P và L mượn điện thoại để liên lạc mua ma túy. Tuy nhiên Ng và Tr không biết P và L sử dụng điện thoại của mình để mua bán ma túy nên không có căn cứ để xử lý. Đối với Lê Thị Th2, sinh năm 2002 ở thôn N, xã K, huyện S là vợ của Mai Văn L, Cơ quan điều tra thu giữ ma túy trong phòng ngủ của vợ chồng L. Tuy nhiên, việc mua bán, cất giấu ma túy tại phòng ngủ Th2 không biết nên không có căn cứ để xử lý.

* Vật chứng, tài sản thu giữ trong quá trình điều tra:

- Đối với 01 điện thoại Iphone XS MAX của Nguyễn Thị Ng, 01 điện thoại Iphone 6 Plus của Đinh Thị Thảo Tr, 01 điện thoại Iphone 6 Plus của Lê Thị Th2 sau khi thu giữ Cơ quan điều tra đã tiến hành kiểm tra tin nhắn, cuộc gọi, facebook, cả ba điện thoại đều không có tài liệu liên quan đến việc mua bán ma túy, việc P và L mượn điện thoại của Ng và Tr để liên lạc với nhau Ng và Tr

không biết nên Cơ quan điều tra đã trả lại ba chiếc điện thoại trên cho chủ sở hữu là Nguyễn Thị Ng, Đinh Thị Thảo Tr và Lê Thị Th2.

- 02 Phong bì niêm phong mẫu vật do phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa phát hành, được dán kín, niêm phong bởi các chữ ký và ghi rõ họ tên Lê Minh Tiến, Lưu Bình Nguyên, Lê Công Anh và các hình dấu của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa, đã được chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nông Công chờ xử lý.

Tại bản cáo trạng số 33/CT-VKSNC ngày 10/5/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Công, tỉnh Thanh Hoá đã truy tố Mai Văn L về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm i khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự (Viết tắt là BLHS), Trần Viết P về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 249 BLHS.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Công giữ quyền công tố giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử (Viết tắt là HĐXX) áp dụng: Điểm i khoản 2, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; khoản 2 Điều 56; khoản 5 Điều 65; Điều 38 BLHS đối với Mai Văn L; áp dụng điểm g khoản 2, khoản 5 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 BLHS đối với Trần Viết P. Xử phạt Mai Văn L mức án từ 10 năm 06 tháng đến 11 năm tù. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt 36 (Ba mươi sáu) tháng tù cho hưởng án treo của bản án số 59/2020/HS - ST ngày 30/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Tổng hợp hình phạt chung buộc bị cáo phải chấp hành chung cho cả hai bản án. Thời gian bị cáo bị tạm giữ, tạm giam được trừ vào thời gian chấp hành hình phạt tù của bản án mới; xử phạt Trần Viết P mức án từ 66 tháng đến 72 tháng tù; về hình phạt bổ sung: Đề nghị xử phạt bị cáo Mai Văn L và Trần Viết P mỗi bị cáo từ 10.000.000đ đến 15.000.000đ sung vào ngân sách nhà nước; về vật chứng: đề nghị tịch thu và tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định; về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, không có tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát. Lời nói sau cùng các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an huyện Nông Công và Điều tra viên; của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Công và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là đúng quy định.

[2] Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai trước đây các bị cáo đã khai nhận tại Cơ quan điều tra, phù hợp với tang vật chứng thu được, kết quả giám định và các tài liệu, chứng cứ khác phản ánh trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đủ căn cứ chứng minh: Vào tối ngày 10/01/2023 do có nhu cầu sử dụng ma túy nên Trần Viết P đã dùng điện thoại liên hệ với Mai Văn L để hỏi mua ma túy. L đồng ý và hẹn P đến phòng trọ tại thôn TC 2, xã Đ1, huyện S để bán cho P 110 viên hồng phiến với giá 9.000.000đ (Chín triệu đồng) nhưng P chưa thanh toán tiền cho L. Sau khi mua được ma túy, P đã sử dụng hết 13 viên, còn 97 viên để trên người. Đến khoảng 10 giờ 25 phút ngày 11/01/2023 tại thôn LT, xã TK, huyện C, Tổ công tác Công an huyện Nông Cống cùng Công an xã TK, Công an xã T2 phát hiện và bắt quả tang Trần Viết P đang có hành vi tàng trữ trái phép 97 viên hồng phiến có tổng khối lượng là 8,902g (Tám phẩy chín không hai gam) loại: Methamphetamine (Theo Kết luận giám định số 417/KL - KTHS ngày 16/01/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa). Căn cứ lời khai của Trần Viết P, Cơ quan CSĐT Công an huyện Nông Cống đã tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Mai Văn L tại thôn N, xã K, huyện S, tỉnh Thanh Hóa thu giữ 53 viên hồng phiến L cất giấu để bán, có tổng khối lượng là 4,823g (Bốn phẩy tám hai ba gam) loại: Methamphetamine (Theo Kết luận giám định số 418/KL - KTHS ngày 16/01/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa). Tổng khối lượng ma túy Mai Văn L dùng để mua bán là 13,725g (Mười ba phẩy bảy hai năm gam) loại: Methamphetamine. Đủ cơ sở để HĐXX khẳng định hành vi của bị cáo Mai Văn L đã cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm i khoản 2 Điều 251 BLHS; hành vi của bị cáo Trần Viết P đã cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm g khoản 2 Điều 249 BLHS. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa truy tố đối với các bị cáo là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất của vụ án và hành vi phạm tội của các bị cáo thì thấy: Đây là vụ án thuộc trường hợp tội phạm rất nghiêm trọng đối với cả 2 bị cáo. Hành vi của bị cáo Mai Văn L mua ma túy để bán lại nhằm mục đích lợi nhuận và hành vi của Trần Viết P tàng trữ ma túy để sử dụng nhằm thỏa mãn nhu cầu nghiện hút của bản thân. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý của nhà nước về các chất ma túy, xâm hại trật tự, an toàn xã hội. Tệ nạn ma túy ảnh hưởng đến sự phát triển và sức khỏe của con người, làm suy kiệt đến kinh tế gia đình và là nguyên nhân gây ra các tội phạm khác. Vì vậy, cần xử phạt nghiêm minh đối với tội phạm ma túy.

[4] Đánh giá về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân:

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo Mai Văn L đã bị kết án, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên phải chịu tình tiết tăng nặng “Tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS. Bị cáo Trần Viết P không phải chịu tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo nên đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ “Người phạm tội thành khẩn khai báo” quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS.

Về nhân thân: Các bị cáo đều là người có nhân thân xấu. Bị cáo Mai Văn L có 1 tiền án, bị cáo Trần Viết P có 1 tiền sự.

[5] Trên cơ sở đánh giá tính chất vụ án, hành vi phạm tội và nhân thân của các bị cáo HĐXX xét thấy cần xử phạt các bị cáo một mức án nghiêm khắc, tương xứng với tính chất của vụ án, hành vi phạm tội và nhân thân của các bị cáo. Áp dụng Điều 38 BLHS cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, đưa các bị cáo vào môi trường lao động, giáo dục, học tập nghiêm khắc theo quy chế trại giam để cải tạo các bị cáo thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội đồng thời răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Đối với bị cáo Mai Văn L phạm tội lần này đang trong thời gian thử thách của bản án số 59/2020/HS - ST ngày 30/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa (hình phạt 36 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm) nên buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt 36 tháng tù cho hưởng án treo của bản án số 59/2020/HS - ST ngày 30/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa và tổng hợp với hình phạt của bản án này theo quy định tại Điều 56 Bộ luật hình sự. Thời gian bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/4/2020 đến 05/6/2020 là 01 tháng 11 ngày theo bản án số 59/2020/HS - ST ngày 30/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn được trừ vào thời gian chấp hành hình phạt tù của bản án mới theo quy định tại Điều 4a Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

[6] Về hình phạt bổ sung: Tại khoản 5 Điều 251 và khoản 5 Điều 249 BLHS quy định: Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000đ đến 500.000.000đ nên phạt bổ sung một khoản tiền nộp vào ngân sách Nhà nước đối với các bị cáo là phù hợp.

[7] Về xử lý vật chứng: 02 Phong bì niêm phong do phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa phát hành chứa mẫu vật hoàn trả lại sau giám định ký hiệu: M và 8,363g là tổng khối lượng của các viên nén hình trụ tròn màu hồng; ký hiệu M1 và 4,462g là tổng khối lượng của 49 viên nén hình trụ tròn màu hồng và 0,054g chất bột màu xanh là ma túy, loại Methamphetamine là vật nhà nước cấm lưu hành nên áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS tịch thu và tiêu hủy.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm i khoản 2 Điều 251 BLHS: Tuyên bố bị cáo Mai Văn L phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy",

Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 249 BLHS: Tuyên bố bị cáo Trần Viết P phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

- Áp dụng: Điểm i khoản 2, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; khoản 2 Điều 56; khoản 5 Điều 65; Điều 38 BLHS:

Xử phạt: Mai Văn L 10 năm 06 tháng tù.

Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt 36 (Ba mươi sáu) tháng tù cho hưởng án treo của bản án số 59/2020/HS - ST ngày 30/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa, được trừ 01 tháng 11 ngày tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/4/2020 đến 05/6/2020. Tổng hợp hình phạt chung buộc bị cáo phải chấp hành là 13 năm 06 tháng tù, được trừ 01 tháng 11 ngày tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/4/2020 đến 05/6/2020, bị cáo còn phải chấp hành 13 (Mười ba) năm 04 (Bốn) tháng 19 (Mười chín) ngày tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ (11/01/2023).

Phạt bổ sung Mai Văn L 10.000.000đ (Mười triệu đồng) sung vào ngân sách Nhà nước.

- Áp dụng: Điểm g khoản 2, khoản 5 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 BLHS:

Xử phạt: Trần Viết P 06 (Sáu) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ (11/01/2023).

Phạt bổ sung Trần Viết P 10.000.000đ (Mười triệu đồng) sung vào ngân sách Nhà nước.

* Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS:

Tịch thu, tiêu huỷ 02 phong bì niêm phong bên trong đựng mẫu vật hoàn trả lại sau giám định.

Vật chứng của vụ án được mô tả như biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện Nông Công và Chi cục thi hành án dân sự huyện Nông Công lập ngày 10/5/2023.

* Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Buộc các bị cáo Mai Văn L và Trần Viết P mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

* Quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, thì người phải thi hành án có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời

hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Nông Cống;
- Công an huyện Nông Cống;
- Cơ quan THA hình sự;
- Chi cục THADS huyện Nông Cống;
- Sở tư pháp tỉnh Thanh Hóa
- Bị cáo;
- Lưu: Hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Trịnh Thị Hà

